

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST

Ngày 08-9-2017

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Trần Trọng An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 08 tháng 09 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1467/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2017 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn 7, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Ông W, sinh năm 1954; cư trú tại: Số 38 T, cụm 006, phường T, khu B, thành phố T, Lãnh thổ Đài Loan.

Bà L có mặt, ông W vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn của nguyên đơn và bị đơn và các bản tự khai hai bên trình bày: Bà L và ông W kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 5 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Việt Nam được một thời gian ngắn thì ông W quay về Đài Loan để làm thủ tục bảo lãnh cho bà L. Tuy nhiên do việc phỏng vấn ở Đại sứ quán không được công nhận nên bà L không thể làm thủ tục sang Đài Loan. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân ít liên lạc với nhau. Bà L không có điều kiện sang Đài Loan, ông W không muốn quay về Việt Nam. Nay xác định tình cảm không còn, bà L và ông W đều đề nghị được ly hôn.

- Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà L có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn xin ly hôn đã trình bày ở trên. Ông W không có sự thay đổi như đơn xin ly hôn và đơn xin xét xử vắng mặt đã gửi về Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ông W là người nước ngoài hiện đang cư trú tại Đài Loan, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và việc xét xử vắng mặt Ông W theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Bà L và ông W kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào ngày 06 tháng 5 năm 2014, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Bà L và ông W chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do thủ tục bảo lãnh của ông W cho bà L sang đoàn tụ không được chấp nhận. Xét thấy hai bên đã sống ly thân từ năm 2015, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà L và ông W được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Bà L và ông W được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn ông W.

2. Về con chung: Hai bên không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003873 ngày 03 tháng 08 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Ông W được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

- Bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy